

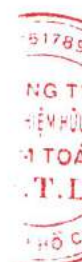
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hương Dương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trương Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Ngọc Minh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Thiện Hưng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Lệ	Ủy viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2015)
Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hương Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

Số: 15.108HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận và Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		649.200.915.289	740.412.039.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	73.911.689.969	101.405.049.773
1. Tiền	111		23.911.689.969	39.405.049.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	62.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.721.263.533	191.895.833.213
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	74.211.699.234	49.349.661.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	103.035.924.414	154.639.191.974
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.353.639.885	2.431.979.542
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.4)	(18.880.000.000)	(14.525.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	(5.5)	411.583.776.485	443.502.846.546
1. Hàng tồn kho	141		413.583.776.485	456.106.846.546
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.000.000.000)	(12.604.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.984.185.302	3.608.309.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	653.727.011	770.111.434
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.284.222.134	1.715.509.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)	2.046.236.157	1.122.688.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.239.624.408	257.639.142.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		16.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		27.290.909.891	28.881.859.455
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	22.095.020.833	23.600.373.797
+ Nguyên giá	222		39.924.166.004	38.767.912.151
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.829.145.171)	(15.167.538.354)
2. TSCĐ vô hình	227	(5.7)	5.195.889.058	5.281.485.658
+ Nguyên giá	228		5.367.082.258	5.367.082.258
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.193.200)	(85.596.600)
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.8)	154.130.889.179	164.013.554.664
+ Nguyên giá	241		188.698.523.595	188.503.783.595
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.567.634.416)	(24.490.228.931)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.224.092.220	33.342.689.982
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.9)	54.224.092.220	33.342.689.982
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	11.012.943.707	20.104.887.026
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.683.423.702	12.818.996.026
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.840.000.000	8.340.615.500
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.510.479.995)	(1.054.724.500)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.564.789.411	11.286.151.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	11.564.789.411	11.286.151.813
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		907.440.539.697	998.051.182.449

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		490.811.648.944	583.604.681.535
I. Nợ ngắn hạn	310		482.728.366.285	561.465.176.574
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	12.316.115.042	21.603.009.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.321.440.718	905.524.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	11.442.049.406	15.537.544.636
4. Phải trả người lao động	314		145.988.569	8.782.577.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.713.294.160	3.118.380.593
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	195.707.796	685.982.774
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	415.791.328.165	467.712.074.190
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(5.15)	13.736.716.806	17.916.760.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.16)	26.065.725.623	25.203.322.623
II. Nợ dài hạn	330		8.083.282.659	22.139.504.961
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.14)	6.891.000.000	5.701.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.11)		16.347.340.895
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	(6.9)	1.192.282.659	90.664.066
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		416.628.890.753	414.446.500.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	416.628.890.753	414.446.500.914
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	225.000.000.000	224.999.770.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	224.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.000.000	49.742.230.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.17.5)	100.624.824.222	83.736.612.322
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.17.5)	4.131.043.100	1.995.543.100
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.131.023.431	53.972.345.492
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.691.354.203	(18.565.820.408)
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.439.669.228	72.538.165.900
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		907.440.539.697	998.051.182.449

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

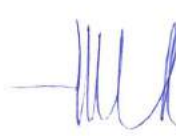
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ ANH THƯ



TRẦN THỊ LỆ




NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.430.189.230.869	1.652.920.726.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.966.541	328.296.842
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.430.149.264.328	1.652.592.429.947
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.248.934.728.421	1.446.000.970.295
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.214.535.907	206.591.459.652
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	13.561.761.969	5.099.769.461
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	39.026.698.150	20.289.884.120
trong đó, chi phí lãi vay	23		13.811.658.218	15.338.811.717
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(9.175.644.108)	(2.406.266.483)
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	40.886.238.759	50.437.722.748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	32.074.227.170	44.320.348.703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.613.489.689	94.237.007.059
11. Thu nhập khác	31		3.314.117.834	2.374.163.594
12. Chi phí khác	32		1.057.106.266	1.677.080.122
13. Lợi nhuận khác	40		2.257.011.568	697.083.472
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.870.501.257	94.934.090.531
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	16.095.038.605	21.187.693.773
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	1.101.618.593	725.726.323
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.673.844.059	73.020.670.435
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.673.844.059	72.538.165.900
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			482.504.535
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.17.6)	2.452	2.944
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.17.6)	2.452	2.944

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





BÙI THỊ ANH THƯ

TRẦN THỊ LỤA

NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.870.501.257	94.934.090.531
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.824.608.902	12.833.392.420
Các khoản dự phòng	03		(7.973.287.699)	4.249.724.500
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.105.520.694	(297.331.356)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		5.699.828.616	726.119.890
Chi phí lãi vay	06		13.811.658.218	15.338.811.717
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		102.338.829.988	127.784.807.702
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.087.161.916	(71.410.003.941)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.523.070.061	(118.727.607.346)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.360.921.667)	(9.153.434.020)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(162.253.175)	(408.520.437)
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.667.256.707)	(16.104.136.173)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.295.495.620)	(25.512.646.876)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.715.000	12.636.608.591
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.336.827.000)	(8.317.959.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		107.167.022.796	(109.212.891.698)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.923.591.912)	(4.552.074.704)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.090.909	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.825.000.000)	(11.425.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.752.196.000	1.091.082.402
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.218.144.083	2.442.480.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.772.160.920)	(12.443.511.883)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	895.980.113.750	1.273.453.843.775
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(966.373.640.350)	(1.113.780.176.882)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.499.981.600)	(41.999.972.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(113.893.508.200)	117.673.694.493
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(27.498.646.324)	(3.982.709.088)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		101.405.049.773	105.387.758.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.286.520	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	(5.1)	73.911.689.969	101.405.049.773

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





BÙI THỊ ANH THƯ

TRẦN THỊ LỤA

NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 là 225 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Cổ đông sáng lập	90.619.460.000	40,28%	90.413.210.000	40,18%
Cổ đông khác	134.380.540.000	59,72%	134.586.560.000	59,82%
Cộng	225.000.000.000	100,00%	224.999.770.000	100,00%

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Chi nhánh tại Bình Dương: Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Câu lạc bộ Ngôi Sao: 17 Lô C11 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai: 1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Cửa hàng điện tử: 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận: Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 144 (31/12/2014: 149).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng.
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Trong năm 2015, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	Số 75 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	100%	100%

1.7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
1.	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Số 91 Nguyễn Du, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
2.	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Lầu 7, Toàn nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%
3.	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Số 93 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	46,15%	46,15%

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
4.	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Lầu 5, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%
5.	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Số 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%
6.	Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Lô A, Số 10A, Đường số 01, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Nhóm công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bình Tây;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Hàng hóa, thành phẩm được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 34 đến 39 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.11 Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Nhóm công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
+ Quyền sử dụng đất	46 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.14 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.15 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có từ các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

4.18 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.22 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.23 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng trong kỳ là khoản hoàn nhập số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa chưa sử dụng hết của kỳ trước.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp, dự phòng phải trả cho hợp đồng có rủi ro lớn, và dự phòng phải trả khác chưa sử dụng hết của kỳ trước.

4.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.26 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành của Công ty mẹ là 22% và Công ty con là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu nông sản: 0%
- Bán hàng hóa nông sản trong nước: không tính thuế, 5% và 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Dịch vụ cho thuê: 10%.
- Các hàng hóa và dịch vụ khác: 5% và 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.27 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.28 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	2.431.979.542	2.291.979.542
Tài sản ngắn hạn khác	-	140.000.000
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	10.000.000
Phải trả người lao động	8.782.577.224	14.082.577.224
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	12.082.061
Phải trả ngắn hạn khác	685.982.774	673.900.713
Dự phòng phải trả ngắn hạn	17.916.760.000	12.616.760.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	25.694.655.095
Quỹ đầu tư phát triển	83.736.612.322	58.041.957.227

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích)

	VND	
	Năm trước Được báo cáo lại	Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.944	3.224

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	832.341.633	345.519.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.079.348.336	39.059.530.224
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	62.000.000.000
Cộng	73.911.689.969	101.405.049.773

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng và có lãi suất 4,5%/tháng. Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

STT	Tên Công ty	VND			
		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
1.	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	1.500.000.000	2.317.423.147	1.500.000.000	3.138.064.184
2.	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	2.025.000.000	1.056.011.169	1.800.000.000	1.468.261.358
3.	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	3.000.000.000	3.830.753.159	3.000.000.000	3.740.426.330
4.	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.575.000.000	479.236.227	975.000.000	81.340.559
5.	Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	10.000.000.000	-	4.000.000.000	1.612.852.998
6.	Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	3.000.000.000	-	3.000.000.000	2.778.050.597
	Cộng	21.100.000.000	7.683.423.702	14.275.000.000	12.818.996.026

Do giá trị sở hữu của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long và Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec đã vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nên Nhóm Công ty không phải tiếp tục phản ánh thêm các khoản lỗ này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Alo360.com	6.000.000.000	(3.510.479.995)	2.489.520.005	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ và xúc tiến Thương mại	840.000.000	-	840.000.000	840.000.000	-	840.000.000
Ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam	-	-	-	4.500.615.500	(1.054.724.500)	3.445.891.000
Cộng	6.840.000.000	(3.510.479.995)	3.329.520.005	8.340.615.500	(1.054.724.500)	7.285.891.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	44.388.397.570	7.644.762.400
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Trung	6.660.001.000	9.062.277.598
Chi Commodities Handlers Inc	-	7.361.739.000
Các khách hàng khác	23.163.300.664	25.280.882.699
Cộng	74.211.699.234	49.349.661.697

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9.

Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	44.388.397.570	7.644.762.400
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	2.092.062.520	-
Cộng	46.480.460.090	7.644.762.400

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty và được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	35.582.867.427	-
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	29.050.690.446
Công ty CP Khâm Vĩnh Hưng	12.543.830.000	5.657.177.240
Công ty CP Nhật Huy	1.139.674.250	63.721.385.535
Cty TNHH TM DV XNK Cà Phê Phúc An Khang	44.416.522	20.263.319.900
Các nhà cung cấp khác	24.674.445.769	35.946.618.853
Cộng	103.035.924.414	154.639.191.974

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9.

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	35.582.867.427	-
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	2.693.550.400	3.686.878.000
Cộng	38.276.417.827	3.686.878.000

Khoản ứng trước tiền mua nông sản cho Thuận Kiều đã quá hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp. Hiện nay, khoản nợ này đang được Nhóm Công ty và Công ty TNHH Thuận Kiều hòa giải tại trung tâm trọng tài thương mại TP. Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã lập dự phòng cho khoản ứng trước nêu trên với số tiền là 18.880 triệu đồng (tương ứng với tỷ lệ là 65% tổng giá trị công nợ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.5. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.385.944.688	-	14.897.362.254	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.417.457.099	-	109.704.036.237	(2.541.000.000)
Công cụ, dụng cụ	1.315.570.612	-	1.196.672.916	-
Thành phẩm	5.438.483.693	-	2.492.167.926	-
Hàng hóa	218.158.298.893	(2.000.000.000)	234.318.590.083	(10.063.000.000)
Hàng hóa bất động sản	73.868.021.500	-	73.868.021.500	-
Hàng gửi bán	-	-	19.629.995.630	-
Cộng	413.583.776.485	(2.000.000.000)	456.106.846.546	(12.604.000.000)

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 10.604.000.000 đồng do giá bán sản phẩm tăng.

Giá trị hàng hóa bất động sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với số tiền là 67.451.870.000 đồng – Xem thêm mục 5.11.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	23.165.632.367	6.522.150.864	9.011.025.270	69.103.650	38.767.912.151
Mua trong năm	-	371.697.400	617.956.363	-	989.653.763
Tăng khác	-	201.691.000	-	-	201.691.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.090.910)	-	-	(35.090.910)
Số dư cuối năm	23.165.632.367	7.060.448.354	9.628.981.633	69.103.650	39.924.166.004
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	5.468.642.836	5.187.247.849	4.510.687.897	959.772	15.167.538.354
Khấu hao trong năm	1.243.126.544	669.504.594	772.549.325	11.517.264	2.696.697.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.090.910)	-	-	(35.090.910)
Số dư cuối năm	6.711.769.380	5.821.661.533	5.283.237.222	12.477.036	17.829.145.171
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	17.696.989.531	1.334.903.015	4.500.337.373	68.143.878	23.600.373.797
Tại ngày cuối năm	16.453.862.987	1.238.786.821	4.345.744.411	56.626.614	22.095.020.833

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.199.390.245 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

				VND
Quyền sử dụng đất	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.367.082.258	-	-	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	(85.596.600)	(85.596.600)		(171.193.200)
Giá trị còn lại	5.281.485.658			5.195.889.058

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	26.145.204.255	136.464.579.340	25.894.000.000	188.503.783.595
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	194.740.000	-	194.740.000
Số dư cuối năm	26.145.204.255	136.659.319.340	25.894.000.000	188.698.523.595
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	274.276.393	12.366.435.510	11.849.517.028	24.490.228.931
Tăng trong năm	274.276.393	5.196.295.755	4.606.833.337	10.077.405.485
Số dư cuối năm	548.552.786	17.562.731.265	16.456.350.365	34.567.634.416
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	25.870.927.862	124.098.143.830	14.044.482.972	164.013.554.664
Tại ngày cuối năm	25.596.651.469	119.096.588.075	9.437.649.635	154.130.889.179

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 43.830.295.386 VND – Xem thêm mục 5.11.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 1.205.574.965 VND.

Tại ngày 31/12/2015, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Hiệp Phước 2	33.102.916.991	31.860.531.336
Công trình Khu Công nghiệp Đất Cuốc	19.193.612.342	292.272.726
Các công trình khác	1.927.562.887	1.189.885.920
Tổng cộng	54.224.092.220	33.342.689.982

Trong đó, giá trị Công trình Hiệp Phước 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.10. Chi phí trả trước

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước về phí bảo hiểm	47.674.396	260.042.420
Công cụ dụng cụ xuất dùng	215.215.039	442.474.432
Các khoản khác	390.837.576	67.594.582
Cộng	653.727.011	770.111.434
Dài hạn:		
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2	5.901.207.407	6.078.747.044
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4.973.107.368	4.973.107.368
Các khoản khác	631.138.701	142.763.133
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.335.935	91.534.268
Cộng	11.564.789.411	11.286.151.813

Trong đó, giá trị tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2 dùng đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.11.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.11. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	278.038.728.110	278.038.728.110	591.493.046.317	629.576.222.022	316.121.903.815	316.121.903.815	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận	137.752.600.055	137.752.600.055	306.612.507.113	320.450.077.433	151.590.170.375	151.590.170.375	
Cộng	415.791.328.165	415.791.328.165	898.105.553.430	950.026.299.455	467.712.074.190	467.712.074.190	
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	-	-	-	16.347.340.895	16.347.340.895	16.347.340.895	
Cộng	-	-	-	16.347.340.895	16.347.340.895	16.347.340.895	
Tổng cộng	415.791.328.165	415.791.328.165	898.105.553.430	966.373.640.350	484.059.415.085	484.059.415.085	

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 5,6%/năm - 6,70%/năm đối với VND và 2,8%/năm - 3,0%/năm đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm mục 5.1.
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế - Xem thêm mục 5.3.
- Giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại 108 Lê Lợi, Phường 04, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.5.
- Các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án Hiệp Phước 1, Hiệp Phước 2 – Xem thêm mục 5.8, mục 5.9 và mục 5.10.

12/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.12. Phải trả người bán

			VND	
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hà Gia Mẫn	7.210.183.973	7.210.183.973	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp - Descon	1.521.708.459	1.521.708.459	2.144.401.171	2.144.401.171
Victory Top International Ltd	1.493.076.000	1.493.076.000	2.179.740.000	2.179.740.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông Sản Phú Long	-	-	2.784.496.350	2.784.496.350
Phải trả cho các đối tượng khác	2.091.146.610	2.091.146.610	14.494.372.353	14.494.372.353
Cộng	12.316.115.042	12.316.115.042	21.603.009.874	21.603.009.874
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9.				
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	-	-	2.784.496.350	2.784.496.350

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm		VND
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	302.727.078	35.762.286	106.595.409.668	106.602.305.704	302.727.078	28.866.250	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	293.832.180	4.214.441.457	5.852.732.953	1.344.459.316	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.876.402	14.077.261.005	16.143.068.009	20.295.495.620	40.876.402	9.924.833.394	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.130.689.165	4.906.970.530	4.879.365.312	-	1.158.294.383	
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	423.526.855	-	4.004.013.475	3.251.931.241	-	330.055.379	
Các loại thuế khác	355.558.417	-	40.480.887	41.595.831	358.173.361	-	
Cộng	1.122.688.752	15.537.544.636	135.904.384.026	140.923.426.661	2.046.236.157	11.442.049.406	

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.14. Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí quảng cáo	16.147.710	52.092.583
Trích trước chi phí xây dựng	164.471.886	613.690.271
Khác	15.088.200	20.199.920
Cộng	<u>195.707.796</u>	<u>685.982.774</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.891.000.000	5.701.500.000
Cộng	<u>6.891.000.000</u>	<u>5.701.500.000</u>

5.15. Dự phòng phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm	8.736.716.806	12.616.760.000
Dự phòng quỹ tiền lương	5.000.000.000	5.300.000.000
Số dư cuối năm	<u>13.736.716.806</u>	<u>17.916.760.000</u>

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	25.203.322.623	20.827.801.321
Trích lập trong năm	6.300.000.000	8.500.000.000
Tăng khác	34.730.000	94.320.000
Sử dụng trong năm	(5.472.327.000)	(4.218.798.698)
Số dư cuối năm	<u>26.065.725.623</u>	<u>25.203.322.623</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	124.742.000.000	58.604.161.557	2.526.353.100	44.298.882.661	380.207.397.318
Tăng vốn năm nay	74.999.770.000	-	-	-	-	74.999.770.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	72.538.165.900	72.538.165.900
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.999.972.400)	(41.999.972.400)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	13.251.152.497	3.000.000.000	(16.251.152.497)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.500.000.000)	(8.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(65.550.500)	(3.530.810.000)	-	(3.596.360.500)
Tặng/(Giảm) khác	-	(74.999.770.000)	11.946.848.768	-	7.886.421.828	(55.166.499.404)
Số dư đầu năm nay	224.999.770.000	49.742.230.000	83.736.612.322	1.995.543.100	53.972.345.492	414.446.500.914
Tăng vốn năm nay	230.000	-	-	-	-	230.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	58.673.844.059	58.673.844.059
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.999.981.600)	(44.999.981.600)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	16.888.211.900	3.000.000.000	(19.888.211.900)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(864.500.000)	-	(864.500.000)
Tặng/(Giảm) khác	-	(230.000)	-	-	(1.326.972.620)	(1.327.202.620)
Số dư cuối năm nay	225.000.000.000	49.742.000.000	100.624.824.222	4.131.043.100	37.131.023.431	416.628.890.753

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	90.619.460.0000	90.413.210.000
Cổ đông khác	134.380.540.000	134.586.560.000
Cộng	<u>225.000.000.000</u>	<u>224.999.770.000</u>

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

		VND
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	224.999.770.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	230.000	74.999.770.000
Vốn góp cuối năm	225.000.000.000	224.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.999.981.600	41.999.972.400

5.17.4. Cổ phiếu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	22.500.000	22.499.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	22.500.000	22.499.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	22.500.000	22.499.977

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	83.736.612.322	1.995.543.100
Trích trong năm	16.888.211.900	3.000.000.000
Chi trong năm	-	(864.500.000)
Số dư cuối năm	<u>100.624.824.222</u>	<u>4.131.043.100</u>

5.17.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	58.673.844.059	72.538.165.900
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>(3.500.000.000)</u>	<u>(6.300.000.000)</u>
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của Công ty mẹ	55.173.844.059	66.238.165.900
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	22.500.000	22.499.977
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.452</u>	<u>2.944</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	160.928,41	807.153,36

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.396.133.264.433	1.625.987.433.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.055.966.436	26.933.293.199
Chiết khấu thương mại	-	(319.458.650)
Hàng bán bị trả lại	(39.966.541)	(8.838.192)
Doanh thu thuần	<u>1.430.149.264.328</u>	<u>1.652.592.429.947</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9.

Công ty TNHH Quang Điện Xanh	788.010.575	3.039.557.761
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	50.599.262.294	41.005.109.140
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.178.832.409	344.710.573
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	15.295.105.148	161.946.528
Công ty CP Điện tử AMTEC	73.983.952.286	6.828.381.188
Cộng	<u>141.845.162.712</u>	<u>51.379.705.190</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.238.896.324.080	1.428.964.871.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.642.404.341	19.216.098.414
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.604.000.000)	(2.180.000.000)
Cộng	<u>1.248.934.728.421</u>	<u>1.446.000.970.295</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.670.987.421	2.442.480.419
Cổ tức, lợi nhuận được chia	547.156.662	-
Lãi bán các khoản đầu tư	1.251.580.500	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.097.717.991	2.359.957.686
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	297.331.356
Lãi chậm thanh toán	4.994.319.395	-
Cộng	13.561.761.969	5.099.769.461

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.811.658.218	15.338.811.717
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	146.628.881	138.725.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.507.134.862	2.931.172.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.105.520.694	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.455.755.495	1.054.724.500
Lỗ do thoái vốn đầu tư trong Công ty con	-	826.449.790
Cộng	39.026.698.150	20.289.884.120

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.402.130.081	13.480.039.725
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng	749.477.318	743.964.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.230.360	652.589.185
Chi phí bảo hành	2.362.629.361	2.969.923.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.586.676.794	13.584.808.852
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	2.713.915.777	2.958.305.648
Chi phí thuê đất	2.940.685.684	1.733.873.400
Chi phí quảng cáo, chương trình, hội nghị	4.697.683.733	5.498.572.556
Chi phí bằng tiền khác	6.868.809.651	8.815.644.626
Cộng	40.886.238.759	50.437.722.748

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.762.031.250	15.329.163.433
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	395.956.913	237.636.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.588.705.756	1.477.924.240
Thuế, phí và lệ phí	1.464.778.442	1.910.606.305
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.355.000.000	14.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	775.171.608	1.379.865.903
Chi phí quảng cáo thương hiệu	5.311.120.909	6.090.000.000
Chi phí bằng tiền khác	12.732.583.201	3.370.152.086
Cộng	32.074.227.170	44.320.348.703

6.7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	458.389.857.775	626.907.538.449
Chi phí nhân công	27.294.596.240	33.872.589.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.364.937.291	10.842.569.314
Chi phí dự phòng	6.717.629.361	14.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.856.946.885	29.836.316.936
Chi phí khác bằng tiền	35.563.443.991	35.438.631.904
Tổng cộng	551.187.411.543	751.422.645.972

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	75.870.501.257	94.934.090.531
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	834.812.521	837.732.922
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(15.667.028.713)	(774.366.647)
Chuyển lỗ	(54.662.787)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	60.983.622.278	94.997.456.806
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	16.095.038.605	21.187.693.773

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

			VND
	Giao dịch nội bộ	Dự phòng đầu tư tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(635.062.257)	-	(635.062.257)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	635.062.257	90.664.066	725.726.323
Số dư đầu năm nay	-	90.664.066	90.664.066
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	-	1.101.618.593	1.101.618.593
Số dư cuối năm nay	-	1.192.282.659	1.192.282.659

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.192.282.659	90.664.066
Tổng cộng	1.192.282.659	90.664.066

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	895.980.113.750	1.273.453.843.775

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	966.373.640.350	1.113.780.176.882

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh nông sản.
- Kinh doanh hàng điện tử.
- Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Kinh doanh nông sản			Kinh doanh hàng điện tử			Kinh doanh bất động sản			Hoạt động khác			Loại trừ			ĐVT: triệu đồng	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	Tổng cộng
Doanh thu hợp nhất																	
Từ khách hàng bên ngoài	724.189	1.000.827	595.052	614.803	28.514	21.649	82.394	15.313	-	-	1.430.149	1.652.592					
Giữa các bộ phận	101.426	229.101	71.132	67.030	-	1.371	1.340	1.354	(173.898)	(298.856)	-	-					
Tổng cộng	825.615	1.229.928	666.184	681.833	28.514	23.020	83.734	16.667	(173.898)	(298.856)	1.430.149	1.652.592					
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất																	
Kết quả của bộ phận	(23.653)	259.283	135.391	217.620	14.117	10.130	56.699	618	(1.340)	(281.059)	181.215	206.591					
Chi phí không phân bổ											72.960	94.758					
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											108.294	111.833					
Thu nhập tài chính											13.562	5.100					
Chi phí tài chính											39.027	20.290					
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết											(9.176)	(2.406)					
Lợi nhuận trước thuế											75.871	94.934					
Thuế thu nhập doanh nghiệp											17.197	21.913					
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế											58.674	72.538					
Các thông tin khác																	
Tài sản không phân bổ											907.441	998.051					
Tổng tài sản hợp nhất											907.441	998.051					
Nợ phải trả không phân bổ											490.812	583.605					
Tổng nợ phải trả hợp nhất											490.812	583.605					
Chi phí mua sắm tài sản											24.924	1.749					
Chi phí khấu hao											12.824	12.833					

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>TP. Hồ Chí Minh</u>		<u>Gia Lai</u>		<u>Đà Nẵng</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Tổng cộng</u>
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.320.354	1.570.536	42.231	696	67.604	61.899	-	19.461	1.430.149
Chi phí mua sắm tài sản									1.652.592
									24.924
									1.749

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản có định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Khách Sạn Hoa Mai Vàng	Công ty con
2. Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Công ty liên kết
6. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Công ty liên kết
7. Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	Công ty liên kết
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3		
Các công ty liên kết	46.480.460.090	7.644.762.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4		
Các công ty liên kết	38.276.417.827	3.686.878.000
Nợ phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.12		
Các công ty liên kết	-	(2.784.496.350)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Các công ty liên kết	-	(297.579.525)

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1		
Các công ty liên kết	141.845.162.712	51.379.705.190
Mua hàng:		
Các công ty liên kết	455.443.405.721	300.785.098.893
Góp vốn:		
Các công ty liên kết	6.825.000.000	8.425.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban điều hành như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	1.068.000.000	1.068.000.000
Tiền lương của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	8.038.978.016	9.341.802.770
Cộng	9.106.978.016	10.409.802.770

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ LỆ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN